

BÀI 18 – TIẾNG ANH Y KHOA IELTS 8.0

Clinical English for Chest Pain Management

Advanced Doctor–Patient Communication in Acute Chest Pain

1. Định hướng bài học

Ở cấp độ IELTS 8.0, học viên không chỉ cần nói đúng về mặt ngữ pháp, mà còn phải giao tiếp tự nhiên, chính xác, mạch lạc, chuyên nghiệp và giàu sắc thái lâm sàng.

Trong bối cảnh người bệnh đau ngực, bác sĩ cần đạt được 4 năng lực giao tiếp:

1. **Clinical clarity** – diễn đạt rõ ràng, không mơ hồ.
 2. **Diagnostic uncertainty** – giải thích sự chưa chắc chắn một cách an toàn.
 3. **Patient reassurance** – trấn an người bệnh nhưng không xem nhẹ triệu chứng.
 4. **Professional empathy** – thể hiện sự thấu cảm, tôn trọng và kiểm soát tình huống.
-

2. Learning Outcomes – Mục tiêu đầu ra

Sau bài học, học viên có thể:

2.1. Language outcomes

Học viên có thể sử dụng tiếng Anh ở mức nâng cao để:

- khai thác bệnh sử đau ngực theo mô hình OPQRST;
- diễn đạt khả năng chẩn đoán theo mức độ chắc chắn khác nhau;
- giải thích chỉ định ECG, troponin, chest X-ray và echocardiogram;
- trấn an người bệnh bằng ngôn ngữ chuyên nghiệp;
- tránh các cách nói gây hoang mang, thiếu chính xác hoặc thiếu tinh tế.

2.2. Clinical communication outcomes

Học viên có thể:

- mở đầu cuộc hỏi bệnh một cách thân thiện và có kiểm soát;
 - khai thác triệu chứng chính, triệu chứng kèm theo và yếu tố nguy cơ;
 - giải thích rằng đau ngực có thể liên quan đến tim nhưng chưa thể kết luận ngay;
 - thông báo kế hoạch xét nghiệm và theo dõi;
 - tóm tắt lại tình trạng cho người bệnh bằng ngôn ngữ dễ hiểu.
-

3. Advanced Vocabulary – Từ vựng nâng cao kèm phiên âm

English	IPA	Vietnamese meaning
acute chest pain	/ə'kju:t tʃest peɪn/	đau ngực cấp
central chest discomfort	/'sentrəl tʃest dɪs'kʌmfərt/	khó chịu vùng giữa ngực
pressure-like pain	/'preʃər laɪk peɪn/	đau kiểu đè nặng
crushing pain	/'krʌʃɪŋ peɪn/	đau như bóp nghẹt
radiating pain	/'reɪdiətɪŋ peɪn/	đau lan
associated symptoms	/ə'soʊsiətɪd 'sɪmptəmz/	triệu chứng đi kèm
shortness of breath	/'ʃɔ:rtnəs əv breθ/	khó thở
profuse sweating	/prə'fju:s 'swetɪŋ/	vã mồ hôi nhiều
light-headedness	/,laɪt 'hedɪdnəs/	choáng váng
nausea	/'nɔ:ziə/	buồn nôn
palpitations	/,pælpɪ'teɪʃənz/	hồi hộp, đánh trống ngực
cardiovascular risk factors	/,kɑ:rdiəv'væskjələr rɪsk 'fæktərz/	yếu tố nguy cơ tim mạch
hypertension	/,haɪpər'tenʃən/	tăng huyết áp
diabetes mellitus	/,daɪə'bi:tɪz mə'laɪtəs/	đái tháo đường
dyslipidaemia	/,dɪslɪpɪ'di:miə/	rối loạn lipid máu
smoking history	/'smʊkɪŋ 'hɪstəri/	tiền sử hút thuốc
electrocardiogram	/,ɪ'lektroʊ'kɑ:rdiəgræm/	điện tâm đồ
cardiac enzymes	/'kɑ:rdiæk 'enzaimz/	men tim
troponin	/'trɒpənɪn/	troponin
myocardial injury	/,maɪə'kɑ:rdiəl 'ɪndʒəri/	tổn thương cơ tim
acute coronary syndrome	/ə'kju:t 'kɔ:rənəri 'sɪndroʊm/	hội chứng vành cấp
differential diagnosis	/,dɪfə'renʃjəl ,daɪəg'nəʊsɪs/	chẩn đoán phân biệt
rule out	/ru:l aʊt/	loại trừ
monitor closely	/'mɔ:nɪtər 'kloʊsli/	theo dõi sát
clinically stable	/'klɪnɪkli 'steɪbəl/	ổn định về lâm sàng
potentially serious condition	/pə'tenʃəli 'sɪrɪəs kən'dɪʃən/	tình trạng có thể nghiêm trọng
treatment strategy	/'tri:tmənt 'strætədʒi/	chiến lược điều trị

4. IELTS 8.0 Useful Expressions

4.1. Mở đầu chuyên nghiệp

Good morning. I'm Dr. ... I'll be asking you a few focused questions to understand your chest pain better.

Chào anh/chị. Tôi là bác sĩ... Tôi sẽ hỏi một số câu trọng tâm để hiểu rõ hơn về cơn đau ngực của anh/chị.

I understand that chest pain can be frightening, but we will assess you carefully and act promptly if needed.

Tôi hiểu đau ngực có thể khiến anh/chị lo sợ, nhưng chúng tôi sẽ đánh giá cẩn thận và xử trí kịp thời nếu cần.

4.2. Hỏi bệnh theo cấp độ nâng cao

Could you describe the pain in your own words?

Anh/chị có thể mô tả cơn đau theo cách của mình không?

Would you say it feels more like pressure, tightness, burning, or a sharp pain?

Anh/chị thấy đau giống cảm giác đè nặng, bóp nghẹt, nóng rát hay đau nhói?

Does the pain radiate to your left arm, jaw, back, neck, or shoulder?

Cơn đau có lan ra tay trái, hàm, lưng, cổ hoặc vai không?

Have you noticed any associated symptoms, such as shortness of breath, sweating, nausea, dizziness, or palpitations?

Anh/chị có triệu chứng đi kèm nào như khó thở, vã mồ hôi, buồn nôn, chóng mặt hoặc hồi hộp không?

4.3. Diễn đạt sự chưa chắc chắn một cách an toàn

At this stage, I cannot confirm the exact cause of your chest pain.

Ở thời điểm này, tôi chưa thể khẳng định chính xác nguyên nhân đau ngực.

Some features could suggest a heart-related problem, but there are several other possible causes that we also need to consider.

Một số đặc điểm có thể gợi ý vấn đề liên quan đến tim, nhưng cũng có nhiều nguyên nhân khác cần được xem xét.

The safest approach is to perform urgent tests and monitor your condition closely.

Cách tiếp cận an toàn nhất là làm các xét nghiệm khẩn cấp và theo dõi sát tình trạng của anh/chị.

4.4. Giải thích xét nghiệm ở mức IELTS 8.0

We will perform an ECG to assess the electrical activity of your heart.

Chúng tôi sẽ làm điện tâm đồ để đánh giá hoạt động điện của tim.

We will also check your troponin level, which can indicate whether there has been any injury to the heart muscle.

Chúng tôi cũng sẽ kiểm tra nồng độ troponin, xét nghiệm này có thể cho biết liệu có tổn thương cơ tim hay không.

A chest X-ray may help us assess your lungs and look for other possible explanations for the pain.

X-quang ngực có thể giúp đánh giá phổi và tìm các nguyên nhân khác có thể giải thích cơn đau.

An echocardiogram allows us to evaluate how well your heart is pumping and whether there are structural abnormalities.

Siêu âm tim giúp đánh giá khả năng co bóp của tim và xem có bất thường cấu trúc nào không.

4.5. Trấn an người bệnh một cách tinh tế

You are in the right place, and we are taking your symptoms seriously.

Anh/chị đã đến đúng nơi cần thiết, và chúng tôi đang đánh giá triệu chứng của anh/chị một cách nghiêm túc.

I do not want to alarm you, but chest pain needs to be assessed promptly.

Tôi không muốn làm anh/chị lo lắng, nhưng đau ngực cần được đánh giá kịp thời.

We will keep you under close observation while we wait for the test results.

Chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi sát anh/chị trong khi chờ kết quả xét nghiệm.

Once we have the results, I will explain clearly what they mean and what the next steps are.

Khi có kết quả, tôi sẽ giải thích rõ ý nghĩa của chúng và các bước tiếp theo.

5. Main Dialogue – IELTS 8.0 Version

Advanced Medical Dialogue: Chest Pain in the Emergency Department

Doctor: Good morning. I'm Dr. ... I understand you are having chest pain. I'll ask you some focused questions so we can assess the situation quickly and safely.

Patient: Yes, doctor. I'm really worried.

Doctor: I understand. Chest pain can be frightening, but you are in the right place. We will assess you carefully and monitor you closely.

Doctor: Could you show me exactly where the pain is?

Patient: It's in the middle of my chest.

Doctor: When did it start?

Patient: About one hour ago.

Doctor: Did it come on suddenly, or did it build up gradually?

Patient: It came on quite suddenly.

Doctor: How would you describe the pain? Does it feel sharp, burning, tight, or more like pressure?

Patient: It feels like pressure, as if something heavy is sitting on my chest.

Doctor: Does the pain radiate anywhere, such as to your left arm, jaw, back, neck, or shoulder?

Patient: Yes, it goes down my left arm.

Doctor: Have you noticed any associated symptoms, such as shortness of breath, sweating, nausea, dizziness, or palpitations?

Patient: I feel short of breath, and I'm sweating a lot.

Doctor: Thank you. Some of these features may suggest a heart-related problem, but there are several other possible causes as well.

Patient: Does that mean I'm having a heart attack?

Doctor: At this stage, I cannot confirm that. I do not want to alarm you, but your symptoms need to be assessed promptly.

Doctor: We will perform an ECG to check the electrical activity of your heart, and we will take blood tests, including troponin, to look for possible injury to the heart muscle.

Patient: What else do I need?

Doctor: Depending on your examination and initial results, we may also arrange a chest X-ray and an echocardiogram to assess your lungs and heart structure.

Patient: Is my condition serious?

Doctor: Chest pain can sometimes indicate a potentially serious condition. The safest approach is to investigate it urgently and monitor you closely.

Patient: What happens after the tests?

Doctor: Once the results are available, I will explain what they show, discuss the most likely diagnosis, and go through the treatment options with you.

Patient: Thank you, doctor.

Doctor: You're welcome. Please let us know immediately if the pain becomes worse, if your breathing changes, or if you feel faint.

6. Paraphrasing Practice – Nâng cấp câu từ IELTS 8.0

Basic sentence	IELTS 8.0 sentence
I don't know the cause.	At this stage, I cannot confirm the exact cause.
It may be your heart.	Some features may suggest a heart-related problem.
We need some tests.	We need to perform urgent investigations to clarify the diagnosis.
We will watch you.	We will monitor your condition closely.
Don't worry.	I understand this is worrying, but we are assessing you carefully.
The test checks your heart.	The test helps us evaluate the electrical activity of your heart.
We will tell you later.	Once the results are available, I will explain what they mean and discuss the next steps.

7. Câu nên dùng và câu nên tránh

7.1. Nên dùng

At this stage, I cannot confirm the exact cause of your chest pain.

Câu này chuyên nghiệp vì thừa nhận sự chưa chắc chắn nhưng vẫn kiểm soát tình huống.

Your symptoms need to be assessed promptly.

Câu này nhấn mạnh tính khẩn cấp mà không gây hoảng loạn.

We are taking your symptoms seriously.

Câu này giúp người bệnh cảm thấy được lắng nghe.

The safest approach is to perform urgent investigations and monitor you closely.

Câu này thể hiện tư duy lâm sàng an toàn.

7.2. Nên tránh

I don't know what's wrong with you.

Nghe thiếu chuyên nghiệp và làm người bệnh mất niềm tin.

Maybe it's nothing.

Có thể khiến người bệnh nghĩ bác sĩ xem nhẹ triệu chứng.

You are having a heart attack.

Không nên khẳng định khi chưa đủ bằng chứng.

Go do the tests and come back.

Nghe lạnh lùng, thiếu trách nhiệm giải thích.

8. Functional Language by Clinical Purpose

8.1. Purpose: Showing empathy

I can see that you are worried.

Tôi thấy anh/chị đang rất lo lắng.

That must feel very uncomfortable.

Điều đó hẳn khiến anh/chị rất khó chịu.

Chest pain can be frightening, and it is understandable that you feel anxious.

Đau ngực có thể rất đáng sợ, và việc anh/chị lo lắng là hoàn toàn dễ hiểu.

8.2. Purpose: Explaining uncertainty

At the moment, we do not have enough information to make a definite diagnosis.

Hiện tại chúng tôi chưa có đủ thông tin để đưa ra chẩn đoán xác định.

We need more information before we can say exactly what is causing the pain.

Chúng tôi cần thêm thông tin trước khi có thể nói chính xác nguyên nhân gây đau.

8.3. Purpose: Explaining urgency

Because chest pain can sometimes be serious, we should not delay the assessment.

Vì đau ngực đôi khi có thể nghiêm trọng, chúng ta không nên trì hoãn việc đánh giá.

We will proceed with the tests as soon as possible.

Chúng tôi sẽ tiến hành xét nghiệm sớm nhất có thể.

8.4. Purpose: Explaining next steps

The next step is to perform an ECG and take some blood samples.

Bước tiếp theo là làm điện tâm đồ và lấy mẫu máu xét nghiệm.

After reviewing the results, we will decide on the most appropriate treatment strategy.

Sau khi xem xét kết quả, chúng tôi sẽ quyết định chiến lược điều trị phù hợp nhất.

9. Pronunciation Focus

9.1. Các từ dễ phát âm sai

Word	IPA	Lưu ý phát âm
chest	/tʃɛst/	âm đầu /tʃ/, không đọc là “sest”
pressure	/'preʃər/	âm /ʃ/ giống “sh”
radiate	/'reɪdiət/	trọng âm rơi vào âm đầu
nausea	/'nɔːziə/	không đọc thành “na-u-si-a”

troponin	/'trɒpənɪn/	trọng âm âm đầu
myocardial	/,maɪə'kɑ:rdiəl/	trọng âm chính ở /'kɑ:r/
echocardiogram	/,ekou'kɑ:rdiəgræm/	trọng âm chính ở /'kɑ:r/
diagnosis	/,daɪəg'nɒʊsɪs/	trọng âm ở /'nɒʊ/
serious	/'sɪrɪəs/	hai âm tiết chính, không kéo dài
immediately	/'ɪmi:diətli/	trọng âm ở /'mi:/

10. Speaking Drill – Luyện nói theo cụm

Học viên luyện đọc các cụm sau với ngữ điệu bình tĩnh, chậm vừa phải, rõ âm cuối.

1. **At this stage, I cannot confirm the exact cause.**
2. **Some features may suggest a heart-related problem.**
3. **We need to perform urgent investigations.**
4. **We will monitor your condition closely.**
5. **Once the results are available, I will explain what they mean.**
6. **Please let us know immediately if the pain gets worse.**
7. **You are in the right place, and we are taking your symptoms seriously.**

11. Role-play IELTS 8.0

Scenario

A 62-year-old man presents to the emergency department with acute central chest pain. The pain started 90 minutes ago, feels pressure-like, radiates to the left arm, and is associated with profuse sweating and shortness of breath. He is anxious and asks whether he is having a heart attack.

Student A – Doctor

You should:

1. introduce yourself professionally;
2. acknowledge the patient's anxiety;
3. ask OPQRST questions;
4. ask about associated symptoms;
5. ask about cardiovascular risk factors;

6. explain diagnostic uncertainty;
 7. explain ECG and troponin;
 8. mention chest X-ray and echocardiogram if needed;
 9. reassure the patient without dismissing the risk;
 10. explain the next steps clearly.
-

Student B – Patient

You should say:

- you have central chest pain;
 - the pain started 90 minutes ago;
 - it feels like pressure;
 - it radiates to your left arm;
 - you feel short of breath;
 - you are sweating;
 - you are worried you may be having a heart attack;
 - you want to know what tests are needed.
-

12. Model Answer – Role-play mẫu IELTS 8.0

Doctor: Good morning. I'm Dr. ... I understand you are experiencing chest pain. I'll ask you a few focused questions so we can assess your condition quickly and safely.

Patient: Doctor, I'm very worried. Am I having a heart attack?

Doctor: I can understand why you are worried. Chest pain can be frightening. At this stage, I cannot confirm whether this is a heart attack, but your symptoms do need urgent assessment.

Doctor: Could you show me exactly where the pain is?

Patient: It's right in the middle of my chest.

Doctor: When did it start?

Patient: About an hour and a half ago.

Doctor: Did it start suddenly or gradually?

Patient: Suddenly.

Doctor: How would you describe the pain? Is it sharp, burning, tight, or more like pressure?

Patient: It feels like heavy pressure.

Doctor: Does the pain radiate anywhere, such as to your left arm, jaw, back, neck, or shoulder?

Patient: Yes, it goes down my left arm.

Doctor: Do you have any shortness of breath, sweating, nausea, dizziness, or palpitations?

Patient: I'm short of breath and sweating a lot.

Doctor: Thank you. Some of these symptoms may suggest a heart-related problem, but we need tests before we can make a definite diagnosis.

Doctor: We will perform an ECG to assess the electrical activity of your heart. We will also take blood tests, including troponin, which can show whether there has been any injury to the heart muscle.

Patient: Is it serious?

Doctor: Chest pain can sometimes indicate a potentially serious condition, so we are taking it seriously. The safest approach is to investigate it urgently and monitor you closely.

Doctor: Depending on the initial results, we may also arrange a chest X-ray and an echocardiogram to assess your lungs and heart structure.

Patient: What will happen next?

Doctor: Once the results are available, I will explain what they show, discuss the most likely diagnosis, and go through the most appropriate treatment strategy with you.

Doctor: Please tell us immediately if the pain becomes worse, if you feel faint, or if your breathing changes.

13. IELTS 8.0 Mini Task: Upgrade the Sentence

Chuyển các câu đơn giản sau thành câu chuyên nghiệp hơn.

Example

Basic:

I don't know the cause.

Advanced:

At this stage, I cannot confirm the exact cause, so we need to perform further investigations.

Practice

1. It may be your heart.
2. We need to check you.
3. Don't worry.
4. The blood test checks heart damage.

5. We will tell you after the results.
6. Tell us if you feel worse.

Suggested Answers

1. **Some features may suggest a heart-related problem, but we need further tests to clarify the diagnosis.**
2. **We need to assess your condition carefully and perform urgent investigations.**
3. **I understand that this is worrying, but we are monitoring you closely and acting promptly.**
4. **The blood test, particularly troponin, helps us identify possible injury to the heart muscle.**
5. **Once the results are available, I will explain what they mean and discuss the next steps with you.**
6. **Please let us know immediately if the pain worsens, your breathing changes, or you feel faint.**

14. IELTS 8.0 Assessment Rubric

Tiêu chí	Mô tả	Điểm
Fluency and coherence	Nói mạch lạc, ít ngập ngừng, trình tự hợp lý	2
Lexical resource	Dùng từ vựng y khoa chính xác, linh hoạt	2
Grammatical range and accuracy	Sử dụng cấu trúc câu đa dạng, ít lỗi	2
Pronunciation	Phát âm rõ, trọng âm tốt, ngữ điệu phù hợp	2
Clinical communication	Thấu cảm, giải thích an toàn, trấn an phù hợp	2
Tổng điểm		10

15. Key Take-home Messages

1. IELTS 8.0 trong tiếng Anh y khoa không phải là nói phức tạp, mà là nói **chính xác, tự nhiên và phù hợp ngữ cảnh**.
2. Với đau ngực, cần tránh cả hai cực đoan: **làm bệnh nhân hoảng sợ** hoặc **xem nhẹ triệu chứng**.
3. Câu cốt lõi cần nhớ:
At this stage, I cannot confirm the exact cause, but your symptoms need urgent assessment.
4. Giao tiếp tốt giúp người bệnh hiểu, hợp tác và tin tưởng hơn.

5. Phong cách giao tiếp cần đạt:

Calm – Clear – Clinically safe – Compassionate.

16. Slide kết thúc đề xuất

Clinical English for Chest Pain Management

Speak with accuracy.

Nói chính xác.

Explain uncertainty safely.

Giải thích sự chưa chắc chắn một cách an toàn.

Reassure without dismissing risk.

Trấn an nhưng không xem nhẹ nguy cơ.

Act promptly. Communicate clearly.

Hành động nhanh. Giao tiếp rõ ràng.

Be calm – Be clear – Be professional.